



Tâm sáng với việc - Tận tụy với nghề

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

ANNUAL REPORT

NỘI DUNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

THÔNG ĐIỆP CỦA LÃNH ĐẠO CÔNG TY		Page 3
THÔNG TIN CHUNG	Thông tin khái quát	Page 4
	Quá trình hình thành và phát triển	4
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	5
	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.	7
	Định hướng phát triển	11
	Các rủi ro	12
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	Page 13
	Tổ chức và nhân sự	31
	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	34
	Tình hình tài chính	35
	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	36
	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	37
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Page 45
	Tình hình tài chính	46
	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	46
	Kế hoạch phát triển trong tương lai	48
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	Page 49
	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc Công ty	50
	Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	51
QUẢN TRỊ CÔNG TY	Hội đồng quản trị	Page 53
	Ban kiểm soát	55
	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.	56

BÁO CÁO TÀI CHÍNH	Ý kiến kiểm toán	Page 57
	Báo cáo tài chính được kiểm toán.	57

THÔNGIỆP CỦA LÃNH ĐẠO CÔNG TY.

Kính gửi: Quý khách hàng, Quý cổ đông!

Năm 2022 là một năm có nhiều biến động đối với nền kinh tế Việt Nam, chúng ta vừa trải qua năm 2021 chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid - 19, đầu năm 2022 dịch Covid-19 lại bùng phát trở lại đã tác động lớn đến lực lượng lao động của Tập đoàn. Cùng với đó là chiến sự tại Nga - Ukraine đã đẩy nền kinh tế thế giới và Việt Nam vào giai đoạn khó khăn mới, nguồn cung nhiên liệu và các sản phẩm từ dầu mỏ khan hiếm dẫn đến giá cả thị trường tăng cao. Tình hình tài chính thế giới và trong nước có nhiều biến động: lãi suất, tỷ giá tăng cao và hạn mức tín dụng bị giới hạn đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Tuy nhiên, phát huy truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm”, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn TKV năm 2022 đạt được những kết quả đáng kể, thu nhập người lao động nói chung được đảm bảo.

Là một đơn vị hậu cần của TKV, năm 2022 Công ty cổ phần Vật tư - TKV (MTS) tiếp tục thực hiện mục tiêu hướng tới sự ổn định và đảm bảo lợi nhuận, cổ tức của cổ đông, việc làm và thu nhập người lao động, tiếp tục khẳng định vị thế và uy tín trên thị trường trong và ngoài ngành than.

Trong năm 2022, MTS vinh dự lần thứ 16 liên tiếp được đứng vị trí trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam trên Bảng xếp hạng VNR500, dựa trên tiêu chí chủ yếu là tổng doanh thu, ngoài ra còn có các tiêu chí khác như: lợi nhuận, tốc độ tăng trưởng, lao động, tài sản, uy tín truyền thông... Kết thúc năm 2022 MTS đạt tổng doanh thu thuần là 5.399.873 triệu đồng, tổng lợi nhuận trước thuế là 20.954 triệu đồng, tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến 7%.

Năm 2023 dự báo nhu cầu thị trường tiêu thụ than, khoáng sản trong nước tăng cao, MTS tiếp tục đặt ra các mục tiêu phù hợp và thách thức liên quan đến quản trị Công ty. Với định hướng nhất quán về chiến lược “phát triển - hiệu quả - an toàn”..., phương châm hành động “Tâm sáng với việc, Tận tụy với nghề” - “Muốn thành công, Phải quyết liệt”; Lãnh đạo MTS đã kêu gọi, động viên toàn bộ hệ thống phát huy tinh thần đoàn kết, sáng tạo, triển khai quyết liệt, đồng bộ, phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

Thay mặt MTS, Ban lãnh đạo Công ty xin trân trọng gửi lời cảm ơn đến Quý khách hàng, Quý cổ đông, các đối tác đã tin tưởng và ủng hộ MTS trong suốt thời gian qua. Chúng tôi tin rằng với những nỗ lực của chúng ta, MTS sẽ hoàn thành xuất sắc các mục tiêu năm 2023 và hướng tới các mục tiêu chiến lược trong những năm tới.

Hạ Long, ngày 31 tháng 03 năm 2023.

BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

TRÂN TRỌNG!

I. THÔNG TIN CHUNG.

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần Vật tư-TKV;
- Tên viết tắt : MTS.
- Logo:



- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700100707 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần thứ 11 ngày 04 tháng 11 năm 2020.

- Vốn điều lệ : 150.000.000.000 (Một trăm năm mươi tỷ) đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 150.000.000.000 đồng.

- Địa chỉ:

✓ Trụ sở chính : Tổ 1-Khu 2-Phường Hồng Hà-TP Hạ Long-Tỉnh Quảng Ninh.

✓ Điện thoại : 0203 3695 899. Fax: 0203 3634 899.

✓ Website : <http://vmts.vn>. Email: mts@vmts.vn.

- Mã chứng khoán: MTS.

2. Quá trình hình thành và phát triển:

* Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngày thành lập : 01/8/1960.
- Ngày niêm yết : Công ty đã đăng ký giao dịch trên UPCOM.

* Các sự kiện khác:

- Ngày 01/8/1960:** Thành lập Xí nghiệp Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ thuộc Công ty Than Cẩm Phả.
- Tháng 5/1996:** Thành lập Công ty Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam(Vinacomin), trên cơ sở nâng cấp Xí nghiệp Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ thuộc Công ty Than Cẩm Phả.
- Ngày 08/11/2006:** Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 2467/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Công ty Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ thành Công ty Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - TKV. Theo Quyết định số 3127/QĐ-BCT ngày 15/06/2010 của Bộ trưởng Bộ Công thương, Công ty chuyển sang mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam(Vinacomin).
- Ngày 03/04/2013:** Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 526/QĐ - Vinacomin về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin.
- Ngày 15/4/2014:** Diễn ra Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty cổ phần Vật tư - TKV.
- Ngày 01/05/2014:** Chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần với vốn điều lệ 150 tỷ, tên giao dịch Công ty cổ phần Vật tư-TKV.
- Ngày 13/12/2016:** Đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

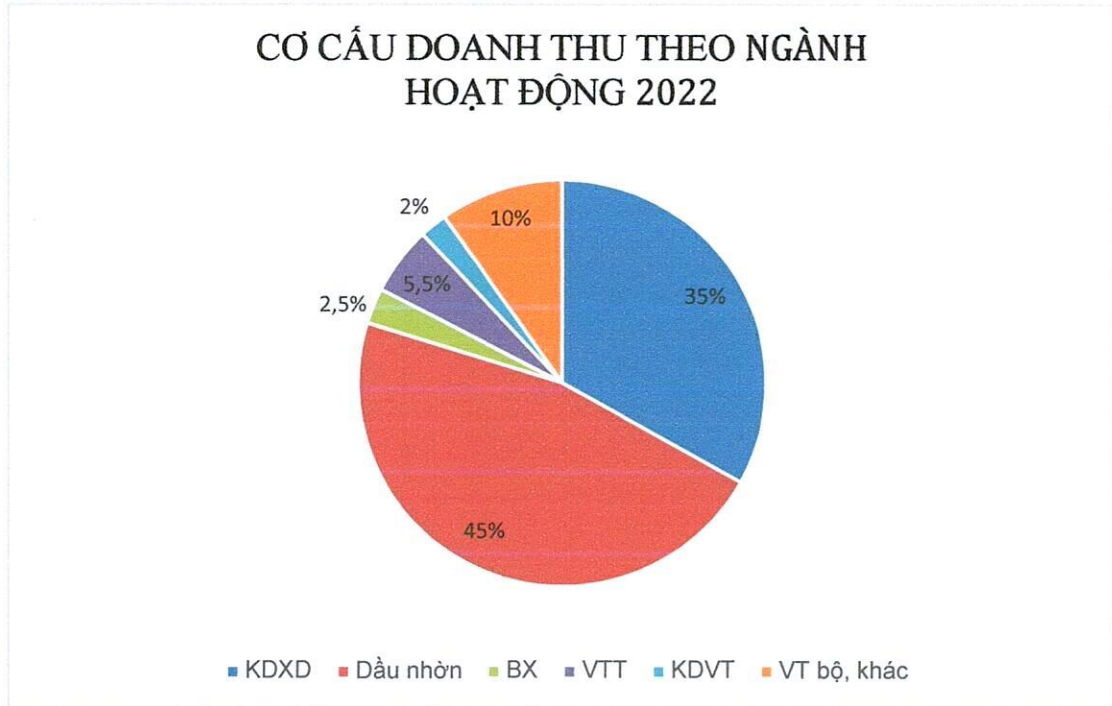
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty, bao gồm:

- ❖ Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)(3315);
- ❖ Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp (0210);
- ❖ Xây dựng nhà để ở (4101);
- ❖ Xây dựng nhà không để ở (4102);
- ❖ Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (4610)
- ❖ Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) (1392);
- ❖ May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)(1410);

- ❖ Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (4711)
- ❖ Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (4719)
- ❖ Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (7120)
- ❖ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Mã ngành: 4659)
- ❖ Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (4730);
- ❖ Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu (2029);
- ❖ Đóng tàu và cấu kiện nổi (3011);
- ❖ Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (5022);
- ❖ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (4933);
- ❖ Bốc xếp hàng hóa (5224);
- ❖ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (5229);
- ❖ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (5222);
- ❖ Nuôi trồng thủy sản biển (0321);
- ❖ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (4663);
- ❖ Chuẩn bị mặt bằng (4312);
- ❖ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (6810);
- ❖ Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (5510);
- ❖ Quảng cáo (7310)
- ❖ Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (7320)
- ❖ Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (4530)
- ❖ Bán buôn tổng hợp (4690);
- ❖ Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (4661) ;
- ❖ Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (5621)
- ❖ Sửa chữa máy móc thiết bị (3312)
- ❖ Sửa chữa thiết bị điện (3314)
- ❖ Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy vi tính (6202)
- ❖ Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (6209)

- Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu:

- ❖ Dầu nhờn Cominlub
- ❖ Sản phẩm ống gió lò và bảo hộ lao động
- ❖ Dịch vụ bốc xếp, vận chuyển Than
- ❖ Dịch vụ cung ứng vật tư, xăng dầu.



- Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc. Trong đó địa bàn lớn nhất bao gồm: Cẩm Phả, Hạ Long, Hà Nội, Thái Nguyên...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

*** MÔ HÌNH QUẢN TRỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN.**

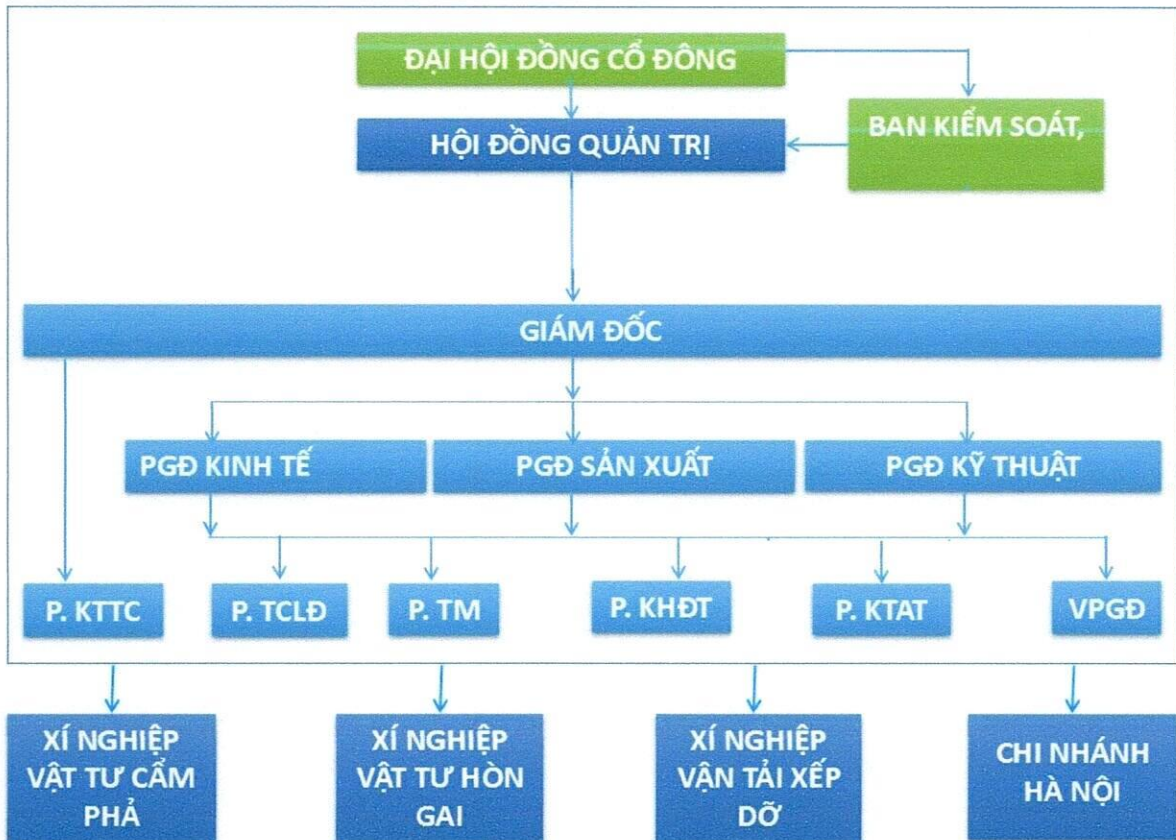
- Ban lãnh đạo điều hành:

- + Chủ tịch HĐQT : 01 người
- + Giám đốc Công ty : 01 người
- + Phó giám đốc Công ty : 03 người
- + Kế toán trưởng : 01 người.

- Số phòng ban, chi nhánh:

- + Văn phòng Công ty : 06 phòng
- + Chi nhánh xí nghiệp trực thuộc : 04 đơn vị

* CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ:



MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG:

✓ Tập đoàn TKV

- Chủ sở hữu, chiếm 51% vốn điều lệ Công ty;
- Quản lý, điều hành hoạt động của Công ty thông qua các cơ chế, quy chế, hợp đồng phối hợp kinh doanh hàng năm.



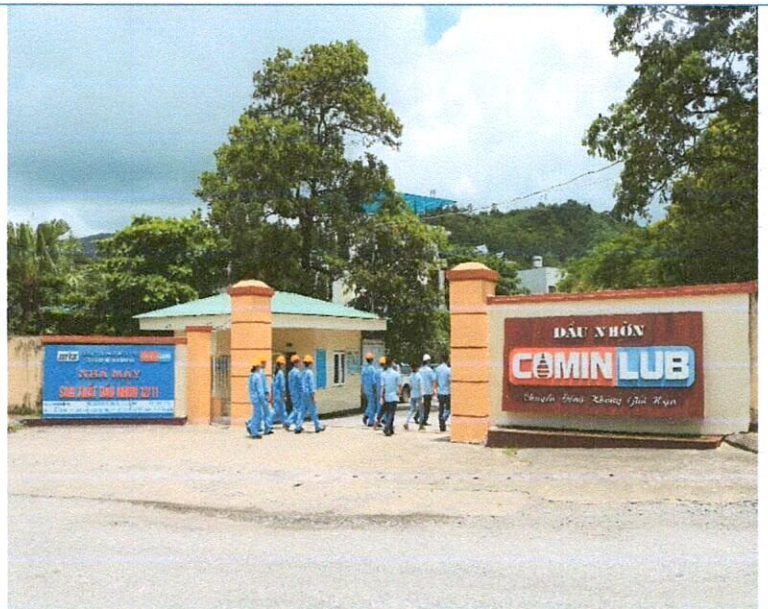
- Công ty CP Vật tư-TKV là công ty con của Tập đoàn, tổ chức bao gồm văn phòng Công ty, 04 chi nhánh xí nghiệp trực thuộc.
- ✓ Công ty:
- Văn phòng Công ty: là cơ quan quản lý điều hành các đơn vị trực thuộc;
 - Địa chỉ: Tổ 1 khu 2 Phường Hồng Hà-Hạ Long-Quảng Ninh.



✓ Đơn vị trực thuộc:

✓✓ XN vật tư Cẩm Phả: (Cẩm Đông - Cẩm Phả- Quảng Ninh).

- Cung ứng hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhu cầu chủ yếu cho các đơn vị SX than vùng Cẩm Phả, bao gồm:
 - Xăng, dầu ga doan;
 - Dầu nhờn sản xuất;
 - Dầu nhờn, mỡ máy hãng khác;
 - Vật tư, thiết bị, phụ tùng...
 - Vận chuyển, khác.
- Sản xuất dầu nhờn Cominlub.



✓✓ XN
 vật tư
 Hòn Gai:
 (170 Lê
 Thánh
 Tông -Hạ
 Long -
 Quảng
 Ninh).

- Cung ứng hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhu cầu chủ yếu cho các đơn vị SX than vùng Hòn Gai, Uông Bí, bao gồm:
 - Xăng, dầu ga doan;
 - Dầu nhờn sản xuất;
 - Dầu nhờn, mỡ máy hãng khác;
 - Vật tư, thiết bị, phụ tùng...
 - Vận chuyển, khác.



✓✓ XN
 vận tải,
 xếp dỡ:
 (Cầm Sơn
 - Cầm
 Phả-
 Quảng
 Ninh).

- Bốc xếp hàng hóa trên biển (than, quặng, clinker, vật liệu rời...);
- Chuyển tải than xuất khẩu, vận tải than cho các nhà máy điện, đạm, xi măng;
- Máy bảo hộ lao động;
- Sửa chữa và đóng mới phương tiện thủy.



✓✓ Chi
 nhánh Hà
 Nội
 (85
 Nguyễn
 Du, Hà
 Nội)

- Cung ứng vật tư hàng hóa cho các đơn vị trong Tập đoàn;



***Các công ty con, công ty liên kết:**

- Công ty mẹ: Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV).
- Công ty con: Không có.
- Công ty liên kết: Không có.
- Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với Công ty đại chúng: Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

5. Định hướng phát triển:

** Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:*

- Xây dựng MTS thành một nhà cung ứng vật tư, xăng dầu, dịch vụ hậu cần và vận tải xếp dỡ tin cậy, chủ đạo, hoạt động thân thiện với môi trường của ngành công nghiệp than và khoáng sản tại Việt Nam.

- Đảm bảo trả được cổ tức cho nhà đầu tư; Ổn định và nâng cao đời sống thu nhập người lao động; Nâng cao năng suất lao động và tiết kiệm chi phí.

** Chiến lược phát triển trung và dài hạn:*

- Tăng trưởng hợp lý gắn liền với hiệu quả và chất lượng. Giữ vững ổn định sản xuất theo kế hoạch dài hạn TKV;

- Cung cấp sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao định hướng vào khách hàng; Phấn đấu trở thành nhà bán lẻ nhiên liệu tin cậy có hệ thống cung ứng tiên tiến nhất tại Quảng Ninh.

- Phát triển bền vững để gia tăng giá trị cho các cổ đông; Xây dựng MTS thành nhà đại diện cung cấp những vật tư cơ bản và trọng yếu của TKV.

+ Xây dựng MTS thành nhà sản xuất Dầu động cơ ô tô - máy thủy hàng đầu của ngành công nghiệp khai khoáng tại Việt Nam.

+ Trong lĩnh vực bốc xếp: Công ty phấn đấu trở thành nhà cung cấp dịch vụ bốc xếp hàng hóa xuất nhập khẩu lớn nhất tại vùng chuyển tải Hòn Nét.

- Ứng dụng đồng bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin vào tất cả các lĩnh vực quản lý sản xuất của MTS.

** Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:*

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, năng động và thân thiện để nhân viên phát huy tài năng và sáng tạo; Thực hiện tốt các cam kết với người lao động.

- Xây dựng mối quan hệ bền vững với các đối tác (cổ đông, cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị truyền thông...). Hợp tác hiệu quả với các đối tác để cùng phát triển và đóng góp xây dựng cộng đồng.

- Xây dựng và duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng, thường xuyên tổ chức các chương trình hội nghị khách hàng;

- Không ngừng tăng cường trách nhiệm xã hội, tích cực tham gia các chương trình từ thiện, các công tác xã hội. Thực hiện tốt nghĩa vụ với cộng đồng, đóng góp với địa phương trong công tác bảo vệ môi trường. Huy động được sức mạnh của đội ngũ cán bộ công nhân viên vào các phong trào xã hội. Nâng cao uy tín của Công ty với cộng đồng.

6. Các rủi ro:

6.1 Rủi ro về kinh tế

- Cũng như các doanh nghiệp khác hoạt động trong lĩnh vực vận tải, bốc xếp, kinh doanh xăng dầu, vật tư thiết bị... Sự ổn định của nền kinh tế trong nước và thế giới và đặc biệt sự phát triển của ngành than là điều kiện để Công ty cổ phần Vật tư-TKV thực hiện được các mục tiêu phát triển đã đề ra

6.2 Rủi ro về pháp luật:

- Hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện, việc vận dụng các quy định của luật pháp vào tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay gặp nhiều khó khăn, chưa kịp thời và thiếu nhất quán.

- Hoạt động của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng của các quy định khác nhau như luật doanh nghiệp, luật giao thông đường bộ, luật bảo vệ môi trường... Theo dự kiến, các sắc luật này có sự điều chỉnh cho phù hợp hơn, chặt chẽ hơn trong thời gian tới, do đó cũng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Tuy nhiên việc thay đổi này lại tạo ra các thay đổi tích cực như nó tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học phù hợp với thông lệ và hệ thống luật pháp quốc tế, giúp thu hút nguồn vốn nước ngoài, thúc đẩy nền kinh tế trong nước phát triển qua đó tạo điều kiện giúp hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển.

6.3 Rủi ro đặc thù:

- Công ty là đơn vị hậu cần, nhiệm vụ chính là cung cấp sản phẩm dịch vụ cho các đơn vị trong ngành nên phụ thuộc chủ yếu vào xu thế hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành than.

- Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng nhiều từ chi phí của các yếu tố đầu vào (giá nguyên nhiên liệu, giá hàng hóa thương mại, ...). Do đó, một sự bất ổn về giá cả nguyên vật liệu đầu vào có thể tác động mạnh đến tình hình lợi nhuận của công ty.

- Sự cạnh tranh gay gắt trên lĩnh vực kinh doanh vật tư và đặc biệt từ một số công ty trong và ngoài nước tham gia cạnh tranh trực tiếp với Công ty thị phần tiêu thụ dầu thủy lực, dầu động cơ trong điều kiện giá dầu biến động bất thường tạo rủi ro cao cho hoạt động SXKD của Công ty.

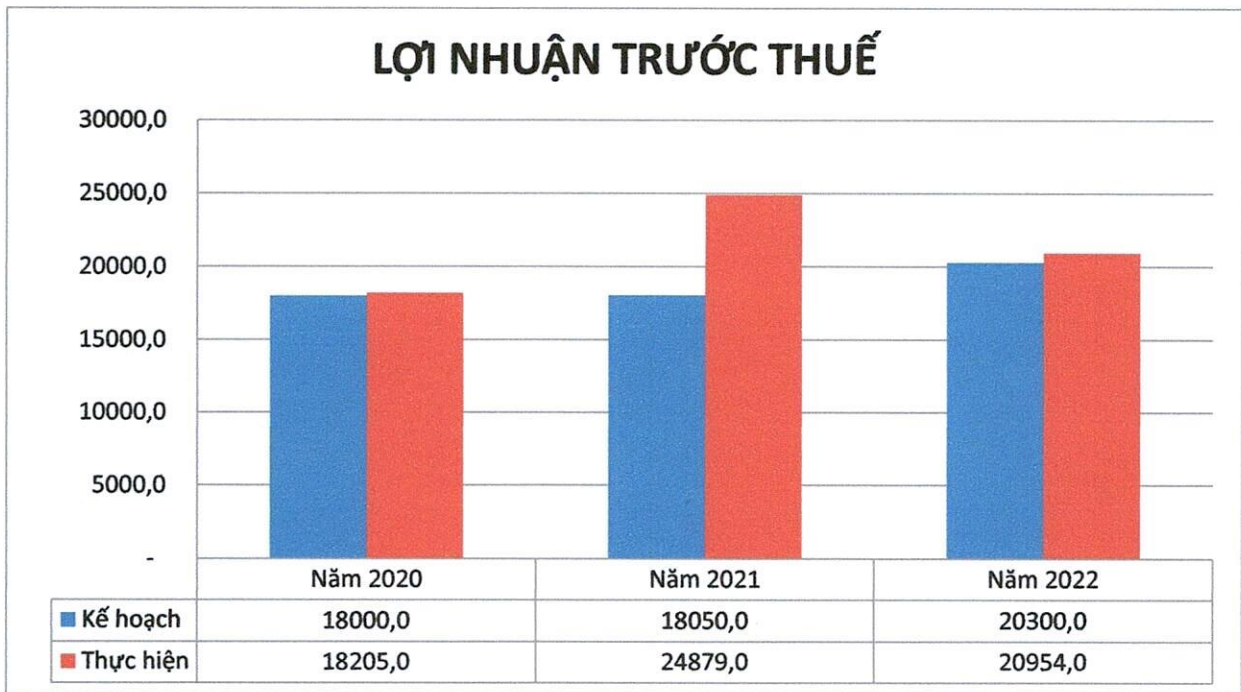
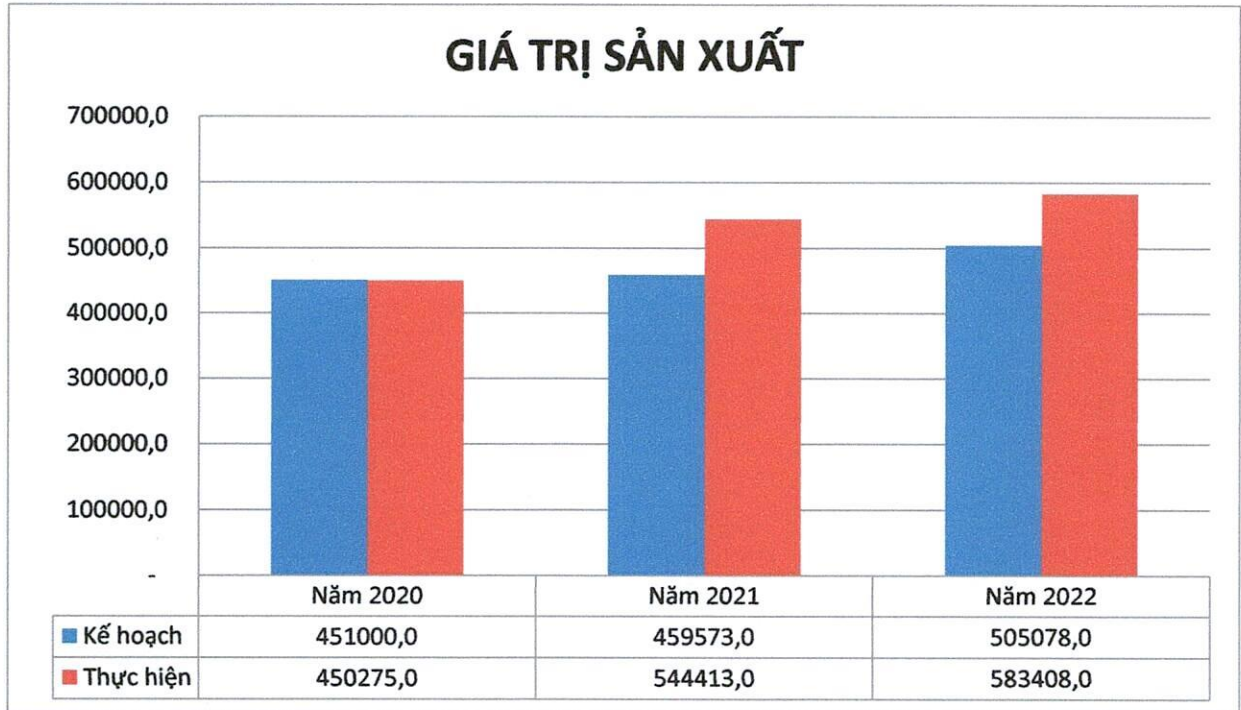
6.4 Rủi ro khác

- Ngoài các loại rủi ro trên, hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro bất khả kháng như: Rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, rủi ro biến động chính trị xã hội...

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

TT	Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2022	TH 2022	Tỷ lệ so sánh với	
					TH 2021	KH 2022
1	Sản lượng					
-	Dầu DO	216.899	202.000	201.992	93%	99,9%
-	Dầu nhờn COMINLUB	4.410	5.000	4.473	101,4%	89,5%
-	Bốc xếp	2.596.000	5.000.000	2.292.273	88%	46%
-	Vận tải thủy	581.276	720.000	652.058	112%	91%
2	Doanh thu thuần	3.946.823	3.753.358	5.399.873	137%	144%
3	Giá trị sản xuất	544.413	505.078	583.408	107%	116%
4	Lợi nhuận trước thuế	24.879	20.300	20.954	84%	103%
5	Lương bình quân	9.800	9.978	12.357	126%	124%
6	Cổ tức	7%	7%	7%	100%	100%



- Năm 2022, do chiến sự Nga – Ukraine xảy ra dẫn đến thị trường xăng dầu trên thế giới có nhiều biến động, nguồn cung các sản phẩm từ dầu mỏ bị hạn chế. Tuy nhiên, bằng sự quyết liệt và linh hoạt trong công tác điều hành sản xuất, Công ty cổ phần Vật tư - TKV đã tìm đủ nguồn cung nguyên vật liệu và hàng hóa đảm bảo cho hoạt động sản xuất và kinh doanh;

Trong năm 2022, Công ty cổ phần Vật tư – TKV đã tổ chức nhiều cuộc họp với nhiều cấp cán bộ tham gia để đánh giá tình hình nguồn cung nguyên vật liệu cho sản xuất dầu nhờn Cominlub; nghiên cứu, sản xuất và đưa ra thị trường dòng sản phẩm mới là dầu nhờn Cominlub SEMI; tổ chức, sắp xếp lao động và cung ứng hàng hóa theo từng giai đoạn trong năm, vì mục tiêu chung là tập trung toàn lực để hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2022.

+ Tháng 01-2022 Công ty đã tổ chức tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 đồng thời triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022:



+ Sự động viên, quan tâm và chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo Tập đoàn TKV là một yếu tố quan trọng giúp công ty hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022.



Trong năm 2022, công tác đào tạo được Công ty đặc biệt quan tâm. Ngoài việc cử cán bộ đi đào tạo tại các trung tâm đào tạo cán bộ trong và ngoài Tập đoàn, Công ty còn mở lớp đào tạo bồi dưỡng quản trị doanh nghiệp và kỹ năng lãnh đạo về hoạch định tổ chức, quản lý nhân sự trong doanh nghiệp cho cán bộ quản lý và nhân viên nghiệp vụ trong Công ty.



Các học viên tham gia lớp đào tạo được tiếp cận với kỹ năng mới về lãnh đạo quản lý do giảng viên trường Quản trị kinh doanh – Vinacomin giảng dạy.



Trong buổi đào tạo, mỗi lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty đều được các đồng chí trong Ban lãnh đạo điều hành trực tiếp đứng lớp trao đổi để mỗi cán bộ nhân viên trong Công ty nâng cao nhận thức nghề nghiệp, từ đó có những giải pháp, sáng kiến để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Đồng chí Tạ Quang Tuấn, Giám đốc Công ty trao đổi về công tác quản trị doanh nghiệp:



+ Đồng chí Ninh Thị Mỹ Nga, Phó giám đốc Công ty trao đổi về công tác lập kế hoạch:



Đồng chí Nguyễn Thế Hùng, Phó giám đốc Công ty trao đổi về công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản:



+ Đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người và tài sản Công ty, thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống mưa bão.

Công tác an toàn doanh nghiệp được đặt lên hàng đầu, trong năm qua Công ty thường xuyên phối hợp với các cơ quan, chính quyền và các lượng lượng an ninh, tuyên truyền, diễn tập mọi tình huống có thể gây mất an ninh trật tự, an toàn trong SXKD.



Công tác huấn luyện an toàn cũng được tổ chức thường xuyên giúp cán bộ công nhân viên hiểu rõ hơn về những mối nguy hiểm căn bản theo từng đối tượng, những phương pháp giúp nhận dạng và đánh giá được mức độ rủi ro. Biết được các cách để đề phòng những yếu tố gây nguy hiểm ảnh hưởng, gây chấn thương trong lao động; được trang bị các kiến thức về cách xử lý khi xảy ra các sự cố cũng như các tai nạn lao động để có thể vận dụng được vào những tình huống thực tế.



Năm 2022, Công ty phối hợp với phòng cảnh sát PCCC & CNCH Công an Tỉnh Quảng Ninh tổ chức thực tập phương án PCCC cháy tại trụ sở Văn phòng Công ty.



Kết quả thu được từ buổi diễn tập có tác dụng tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức trách nhiệm PCCC và CNCH đến toàn thể cán bộ công nhân viên từ đó đề cao tính cảnh giác, chủ động tích cực phòng ngừa không để sự cố cháy nổ xảy ra.



+ Công tác đầu tư máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng phục vụ khách hàng được Công ty đặc biệt quan tâm.

Tháng 12/2022, Công ty đầu tư 04 xe stecs dung tích 18m³ vận chuyển xăng dầu nhằm nâng cao năng lực vận tải xăng dầu phục vụ SXKD.



Nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và năng suất sản xuất dầu nhờn Cominlub, trong năm 2022 Công ty đã đầu tư nhiều thiết bị để phục vụ công tác sản xuất dầu nhờn Cominlub: Bơm trục vít, máy in tem nhãn, tủ ẩm (Humandity Cabinet).

Phục vụ công tác điều hành sản xuất và đưa đón cán bộ công nhân viên, trong năm qua, Công ty đã đầu tư 01 xe ô tô bán tải và 01 xe ô tô 16 chỗ.

+ Đổi mới trong công tác điều hành sản xuất, vừa đảm bảo nguồn cung sản phẩm, hàng hóa cho khách hàng vừa chủ động thích nghi với sự biến động của thị trường xăng dầu do chiến sự Nga – Ukraine gây ra.



+ Chỉnh trang lại cơ sở vật chất tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động đồng thời quảng bá hình ảnh Công ty tới khách hàng, năm 2022 Công đã đầu tư và đưa vào sử dụng thang máy tại Xí nghiệp Vật tư Hòn Gai;



+ Chú trọng công tác nghiên cứu sản phẩm mới, trong năm 2022, Công ty đã đưa ra thị trường sản phẩm Cominlub TLG SEMI thích ứng với những thị trường có độ cứng của nguồn nước cao, an toàn, thân thiện với môi trường.



Năm 2022, Công ty kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Nhà máy dầu nhờn 12/11. Trong 25 năm qua, các thế hệ cán bộ, công nhân viên Nhà máy dầu 12/11 đã quyết tâm xây dựng Nhà máy dầu 12/11 ngày càng khang trang, hiện đại. Nhà máy dầu 12/11 đã hoàn thành tốt sứ mệnh “nhà hậu cần” ngành than mà Tập đoàn giao, đến nay Công ty đã sản xuất được trên 50 chủng loại sản phẩm dầu nhờn khác nhau với sản lượng tiêu thụ lên đến 5.000 tấn/năm và phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia VILAS 256.





+ Thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống cho người lao động: năm 2022 MTS đã tổ chức nhiều cuộc thăm hỏi động viên người lao động.





Công ty thường xuyên động viên, khen thưởng đối với con em của người lao động có thành tích cao trong học tập.



Năm 2022 là năm đầu tiên Công ty tổ chức cho toàn thể CBCNV tham quan du lịch tại các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh trong cả nước nhằm giúp cho CBCNV tái tạo sức lao động, thêm yêu quê hương đất nước và yêu Công ty hơn.



Phòng trào thể dục thể thao luôn được Công ty quan tâm. Công ty thường xuyên tổ chức các giải thi đấu như: Cầu lông, bóng bàn, bóng đá...





Nhằm tri ân các thế hệ lãnh đạo giúp Công ty phát triển và hoàn thành các chỉ tiêu mà TKV giao, hàng năm Công ty tổ chức gặp mặt các cán bộ chủ chốt và cán bộ lãnh đạo của Công ty qua các thời kỳ.



Chương trình gặp mặt phu nhân, phu quân các cán bộ chủ chốt trong Công ty được Công ty tổ chức thường xuyên hằng năm, qua buổi gặp mặt này, Lãnh đạo Công ty gửi lời chi ân và cảm ơn các phu nhân, phu quân, những người hậu phương vững chắc để các cán bộ chủ chốt Công ty yên tâm công tác và phấn đấu, góp phần hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.



Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam Công ty tập trung vào các nội dung chính: Đẩy mạnh áp dụng kỹ thuật số vào kinh doanh là lĩnh vực mà Công ty đã làm rất tốt như hệ thống cấp phát nhiên liệu tự động; Tham gia mạnh mẽ và đầy đủ hơn vào chiến lược kinh doanh theo chuỗi của Tập đoàn đó là chiến lược kinh doanh mở, từ khâu mở mỏ, sàng tuyển, chế biến, hậu cần, logistic. Đặc biệt Công ty tập trung mạnh vào hậu cần và logistic là thế mạnh của Công ty.

+ Tôn vinh, gìn giữ truyền thống công nhân Vùng Mỏ và Văn hóa ngành Vật tư. Giữ gìn di tích văn hóa.

Ngày 12/11/2022, các thế hệ lãnh đạo qua các thời kỳ của Công ty đã đến đặt hoa và dâng hương tại Đài tưởng niệm 12.11 thuộc Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả - Công ty cổ phần Vật tư -TKV nhân kỷ niệm 86 năm ngày truyền thống công nhân vùng Mỏ - truyền thống ngành Than (12.11.1936 -12.11.2022).



+ Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty trong công tác sản xuất kinh doanh, bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội...

Đại hội chi bộ cấp phòng ban, phân xưởng nhiệm kỳ 2022-2025 trong toàn Công ty được tổ chức thành công tốt đẹp.



Đại hội công đoàn các cấp nhiệm kỳ 2023-2028 được tổ chức thành công trong tháng 11/2022.



Đoàn thanh niên Công ty tích cực trong công tác lao động sản xuất kinh doanh, tình nguyện và công tác xã hội...



Hội cựu chiến binh Công ty tham gia công tác bảo đảm an ninh trật tự....



2. Tổ chức và nhân sự:

* Danh sách Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Sinh ngày	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Tạ Quang Tuấn	Giám đốc	24/03/1973	163.200	1,088
Nguyễn Thế Hùng	Phó giám đốc	07/03/1969	17.000	0,11
Ninh Thị Mỹ Nga	Phó giám đốc	31/01/1976	0	0
Nguyễn Văn Tuấn	Phó giám đốc	09/04/1976	10.300	0.069
Hoàng Xuân Tùng	Kế toán trưởng	21/11/1979	1.100	0,007

* Những thay đổi trong Ban điều hành:

Trong năm 2022, MTS bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Tuấn làm Phó giám đốc Công ty từ ngày 11/02/2022 theo quyết định số 336/QĐ-HĐQT ngày 11/02/2022.

*** Chính sách và những thay đổi chính sách đối với người lao động:**

- Tổng số lao động Công ty bình quân năm 2022 là 735 người, có đến thời điểm 31/12/2022 là 731 người, giảm 21 người so với thời điểm 31/12/2021 (752 người), năng suất lao động bình quân theo doanh thu phí (GTSX) đạt 177 trđ/người/năm (tính theo doanh thu trừ chi phí chưa có lương).

- Chính sách tìm kiếm, tuyển dụng và sử dụng tài năng: Công ty luôn trân trọng, tìm kiếm, tuyển dụng sử dụng tài năng, đặc biệt là tài năng trẻ, tạo điều kiện để họ phát huy hết khả năng của mình.

- Chính sách cơ cấu nhân lực kế cận: Mỗi vị trí chủ chốt, vị trí quan trọng, Công ty đều có Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng lớp cán bộ kế cận của các giai đoạn tiếp theo.

- Trách nhiệm đối với người lao động:

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Doanh nghiệp đối với người lao động, Công ty luôn tuân thủ đóng BHXH, BHYT, BH thất nghiệp... theo quy định của Nhà nước và Hợp đồng lao động.

+ Công ty luôn chú trọng, quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi cho Người lao động như: Đảm bảo môi trường làm việc lành mạnh, an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp, huấn luyện an toàn và trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, đảm bảo quyền lợi của Người lao động, tạo ra năng suất lao động ngày càng cao;



+ Thăm hỏi động viên công nhân và tuyên dương các tổ đội xuất sắc tiêu biểu...



+ Quan tâm hỗ trợ, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần Người lao động, hàng năm chuyên môn Công ty phối hợp với Công đoàn, đoàn thanh niên... trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi tổ chức các chuyến tham quan, nghỉ mát cho CBCNV, khen thưởng phong trào bố mẹ lao động giỏi con học giỏi, tổ chức các giải giao lưu thể thao...



+ Nhân kỷ niệm 86 năm ngày Truyền thống công nhân vùng mỏ - truyền thống ngành Than (12/11/1936 -12/11/2022), trong tháng 11 năm 2022, Công ty đã tổ chức giao hữu bóng đá toàn công ty. Đây là dịp để CBCNV các đơn vị được gặp gỡ, giao lưu, học hỏi, tăng cường tình đoàn kết gắn bó trong Công ty. Góp phần không nhỏ vào sự phát triển phong trào thể dục thể thao, rèn luyện nâng cao sức khỏe, đồng thời thúc đẩy phong trào thi đua lao động sản xuất, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao để xây dựng Công ty Cổ phần Vật tư - TKV phát triển vững mạnh.



3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án.

Theo Thông báo số 2672/TKV-ĐT ngày 14/06/2022 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Nghị quyết số 17/22/NQ_HĐQT_MTS ngày 16/06/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật tư - TKV, Công ty CP Vật tư-TKV được thông qua kế hoạch đầu tư XDCB năm 2022 với tổng giá trị: 19.772 triệu đồng.

Công tác đầu tư được Công ty thực hiện theo Quy chế quản lý đầu tư xây dựng của Tập đoàn và Quy chế quản lý đầu tư xây dựng của nội bộ công ty ban hành kèm theo quyết định số: 2889/QĐ-MTS ngày 18/12/2020 đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1497/QĐ-HĐQT-MTS ngày 16/06/2022.

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện (chưa thuế)	Tỷ lệ %
	Tổng số:	19.772	18.070	91,3%
	Trong đó:			
	- Trả nợ KL năm trước			
	- Kế hoạch năm	19.772	18.070	91,3%
1	Xây dựng			
2	Thiết bị	18.698	17.508	93,6%
3	Chi phí khác	1.074	562	52,3%

Năm 2022, Công ty thực hiện Dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022. Hoàn thành 12/13 gói thầu còn một gói thầu số 04: Mua 01 Tủ ẩm (humidity Cabinet) chuyển tiếp thực hiện năm 2023.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	910.828	906.483	99,5%
Doanh thu thuần	3.946.823	5.399.873	136,8%
Lợi nhuận hoạt động tài chính	-11.108	-9.772	87,9%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	23.203	20.427	88%
Lợi nhuận khác	1.676	527	31,4%
Lợi nhuận trước thuế	24.879	20.954	84,2%
Lợi nhuận sau thuế	19.774	16.710	84,5%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	992	1.114	112%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021
1. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán.			
+ Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (TSLĐ/Nợ NH):	lần	1,13	1,11

+ Khả năng thanh toán nhanh (TSLĐ-HTK)/Nợ ngắn hạn	lần	0,88	0,89
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	lần	0,80	0,80
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	4,01	4,08
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động.			
+ Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK bình quân)	vòng	31,1	24,1
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	5,96	4,33
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,30	0,5
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	10,4	12,4
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	1,8	2,2
+ Hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	%	0,38	0,5

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Vốn điều lệ Công ty được chia thành 15.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đ/cổ phần.

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 15.000.000 cổ phần.

+ Cổ phần chuyển nhượng tự do : 14.592.430 cổ phần.

+ Cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 407.570 cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	15.000.000	100%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0
	Tổng cộng	15.000.000	100%
1	Cổ đông pháp nhân	10.305.000	68.7%

2	Cổ đông cá nhân	4.695.000	31.3%
	Tổng cộng	15.000.000	100%
1	Cổ đông Nhà nước	7.650.000	51%
2	Cổ đông khác	7.350.000	49%
	Tổng cộng	15.000.000	100%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng giá trị nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất dầu nhờn Cominlub: 216.412 trđ, chiếm 85,2% tổng giá trị nguyên vật liệu xuất kho của Công ty.

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Điện năng : 877.860 KWh.

- Diesel : 1.210.751 lít.

- Xăng : 23.000 lít.

b. Năng lượng tiết kiệm thông qua sáng kiến: Không.

c. Các báo cáo tiết kiệm năng lượng: Không.

6.3 Tiêu thụ nước:

a. Nguồn nước cung cấp và lượng nước tiêu thụ:

- Nguồn nước cung cấp: Công ty CP nước sạch Quảng Ninh.

- Lượng nước tiêu thụ: 11.940 m³.

b. Tỷ lệ % và tổng lượng nước tái chế: Không.

6.4 Tuân thủ pháp luật về Bảo vệ môi trường:

a. Số lần xử phạt vì không tuân thủ luật pháp và quy định về môi trường: Không.

b. Tổng số tiền phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và quy định về môi trường: Không.

* Phương pháp kiểm kê phát thải khí nhà kính (phương pháp thu thập số liệu, hệ số phát thải)

- Phương pháp thu thập số liệu: Phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp.

- Phương pháp kiểm kê phát thải khí nhà kính được thực hiện theo hướng dẫn của IPCC 2006

Lượng phát thải khí nhà kính $E = AD \times EF$

Trong đó: AD: Dữ liệu hoạt động (ở đây là Lượng nhiên liệu sử dụng)

EF: Hệ số phát thải (là định lượng phát thải khí nhà kính trên mỗi đơn vị hoạt động).

Tổng phát thải khí nhà kính được tính bằng tổng phát thải của tất cả các loại khí nhà kính (quy đổi thành CO₂ tương đương):

Tổng lượng phát thải $\sum E = \sum (E_i \times GWP_i)$

Trong đó: E_i: Là tổng phát thải của khí nhà kính i (Quy đổi là CO₂ tương đương)

GWP_i: là hệ số tiềm năng nóng lên toàn cầu của khí nhà kính i

Hướng dẫn của IPCC 2006 đưa 38 aba phương pháp tiếp cận (Phù hợp với ba cấp độ chính xác) khi thực hiện một điều tra phát thải khí nhà kính quốc gia hoặc đối với một nguồn phát thải bất kỳ.

Kiểm kê khí nhà kính của Công ty đã thực hiện theo phương pháp tiếp cận bậc 1, sử dụng “dữ liệu hoạt động” kết hợp với các hệ số phát thải mặc định (hệ số phát thải trung bình toàn cầu) được cung cấp trong Hướng dẫn của IPCC 2006.

- Hệ số phát thải: Dựa trên hiện trạng số liệu quốc gia chưa được thống kê đầy đủ theo phân loại của IPCC nên phần lớn hệ số phát thải, thông số và hệ số chuyển đổi sử dụng là các giá trị mặc định trong hướng dẫn của IPCC 2006 (bảng 2.3, chương 2). Cụ thể:

Hệ số phát thải khí nhà kính (EF)		Nhiên liệu (kg/TJ)	
		Gas/ Diesel	Xăng
CO ₂	Giá trị trung bình	74.100	69.300
	Cận dưới	72.600	67.500
	Cận trên	74.800	73.000
CH ₄	Giá trị trung bình	3	3
	Cận dưới	1	1
	Cận trên	10	10

N ₂ O	Giá trị trung bình	0,6	0,6
	Cận dưới	0,2	0,2
	Cận trên	2	2

* Số liệu hoạt động liên quan đến phát thải khí nhà kính của Công ty năm 2022 (số liệu đầu vào) là:

TT	Loại nhiên liệu/năng lượng tiêu thụ	Khối lượng		
		Lít	Nghìn tấn	kWh
1	Dầu DO	1.211.000	1,005	
2	Xăng	23.000	0,01656	
3	Điện			877.860

* Kết quả kiểm kê khí nhà kính của công ty năm 2022 là:

- Loại khí được kiểm kê: Hoạt động đốt nhiên liệu, sử dụng điện phát thải nhiều loại khí nhà kính khác nhau tùy thuộc vào thành phần của nhiên liệu tuy nhiên các loại phát thải khí nhà kính chủ yếu là CO₂, CH₄, N₂O. Đây cũng là các loại phát thải khí nhà kính được IPCC cung cấp hệ số phát thải trung bình và khuyến cáo kiểm kê cho hoạt động đốt cháy nhiên liệu. Do đó, các loại khí nhà kính khác được bỏ qua trong tính toán này.

- Công thức tính toán: Căn cứ theo hướng dẫn của IPCC 2006, phương pháp tiếp cận bậc 1 được sử dụng để tính lượng phát thải từ hoạt động đốt cháy nhiên liệu. Các công thức được sử dụng bao gồm:

+ Công thức 2.1, chương 2, IPCC 2006 được triển khai cho từng loại khí nhà kính và từng loại nhiên liệu:

- $E_{CO_2, ni} = A_{ni} \times NCV_{ni} \times EF_{CO_2, ni} \times GWP_{CO_2}$
- $E_{CH_4, ni} = A_{ni} \times NCV_{ni} \times EF_{CH_4, ni} \times GWP_{CH_4}$
- $E_{N_2O, ni} = A_{ni} \times NCV_{ni} \times EF_{N_2O, ni} \times GWP_{N_2O}$

Trong đó:

$E_{CO_2, ni}$, $E_{CH_4, ni}$, $E_{N_2O, ni}$ là phát thải khí nhà kính của nhiên liệu, GgCO₂td/năm.

A_{ni} là lượng nhiên liệu tiêu thụ, Gg/năm (nghìn tấn/năm).

NCV_{ni} là nhiệt trị của nhiên liệu, TJ/Gg (TJ/nghìn tấn)*.

$EF_{CO_2, ni}$, $EF_{CH_4, ni}$, $EF_{N_2O, ni}$ là hệ số phát thải của khí nhà kính kg/TJ

GWP_{CO_2} , GWP_{CH_4} , GWP_{N_2O} là hệ số tiềm năng nóng lên toàn cầu của KNK

$GWP_{CO_2} = 1$, $GWP_{CH_4} = 28$, $GWP_{N_2O} = 265$

(*) số liệu nhiệt trị của nhiên liệu thường có đơn vị là kcal/kg cần quy đổi lại, (1Gg = 1 nghìn tấn); Số liệu nhiệt trị của dầu diesel, xăng và gas tham khảo tại phần mềm kiểm kê khí nhà kính của IPCC

+ Công thức 2.2, chương 2, IPCC 2006

Tổng phát thải KNK: $\sum E = \sum E_{CO_2, ni} + \sum E_{CH_4, ni} + \sum E_{N_2O, ni}$

- Lượng phát thải khí nhà kính năm 2022 của Công ty như sau:

TT	Loại Nhiên liệu	Tổng nhiên liệu sử dụng (Gg)	Nhiệt trị (TJ/Gg) (*)	Loại khí nhà kính	Hệ số phát thải (kg/TJ)	Hệ số tiềm năng nóng lên toàn cầu	Tổng (GgCO ₂ td/năm)
1	2	3	4	5	6	7	8=3x4x6x7/10 ⁶
1	Dầu DO	1,005	43	CO ₂	74.100	1	3,202231
				CH ₄	3	28	0,003630
				N ₂ O	0,6	265	0,006871
				<i>Tổng cộng</i>			
2	Xăng	0,01656	44,3	CO ₂	69.300	1	0,050839
				CH ₄	3,8	28	0,000078
				N ₂ O	0,6	265	0,000117
				<i>Tổng cộng</i>			

* Tiêu thụ điện năng trong Công ty: Lượng cacbon phát thải từ quá trình tiêu thụ điện được tính toán thông qua số liệu thống kê điện của công ty hàng tháng. Lượng CO₂ phát thải khi dùng điện = Alượng điện sử dụng x Bđiện Trong đó: Alượng điện sử dụng là lượng điện năng sử dụng cho các hoạt động sản xuất và sinh hoạt trong công ty hàng tháng (kWh). Bđiện: Hệ số phát thải CO₂ tính trên 1kW điện năng tiêu thụ. Số liệu được xác định theo tài liệu Bộ tài nguyên môi trường Nhật Bản cung cấp cho Chi cục Bảo vệ Môi Trường Đà Nẵng, số liệu đã nghiên cứu về đặc thù mạng lưới điện tại Việt Nam, và được áp dụng tính toán trong chương trình Eco Action 21, giá trị 0.5764 kg CO₂/kWh.

- Lượng cacbon phát thải từ quá trình tiêu thụ điện là:

877.860kWh x 0,5764 kg CO₂/kWh = 505.998 kg CO₂ = 505,998 tấn CO₂

Vậy tổng lượng Cacbon phát thải năm 2022 của công ty là:

3.212,732 + 51,034 + 505,998 = **3.769,764** tấn CO₂

*** Mục tiêu và biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính:**

- Mục tiêu:

Mục tiêu đưa ra là từ nay đến năm 2025, mỗi năm giảm khoảng 2% lượng khí nhà kính/năm, tương đương giảm phát thải khoảng 75 tấn CO₂/năm; góp phần giảm ô nhiễm môi trường, giảm hiệu ứng nhà kính.

- Biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính:

Để giảm nhẹ phát thải khí nhà kính sẽ tập trung giảm phát thải ở 2 nội dung chính là sử dụng nhiều liệu và năng lượng điện. Để sử dụng năng lượng hiệu quả, giảm phát thải khí nhà kính giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Công ty đã đề ra các giải pháp như sau:

TT	Các giải pháp tiết kiệm năng lượng	Tiềm năng tiết kiệm			
		Điện (kWh/ năm)	Nhiên liệu dầu DO (lít/ năm)	Quy về nguồn sơ cấp (TOE/ năm)	Giảm phát thải CO ₂ (tấn/ năm)
1	Các hoạt động tăng cường quản lý nội vi và bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ thường xuyên đối với thiết bị	3.500	1.200	1,6	5.269
2	Thay thế các xe tải Stec đời cũ, trọng tải thấp, tiêu chuẩn khí thải Euro 2 bằng xe tải Stec đời mới, trọng tải lớn, tiêu chuẩn khí thải Euro 4		4.300	3,784	11,653
3	Cải hoán, nâng cấp 05 đoàn xà lan tải trọng 1600 tấn lên tải trọng 2400 tấn		11.000	9,68	29,81
4	Thay thế đèn chiếu sáng sợi đốt bằng đèn chiếu sáng LED	2.700		0,417	1,5563
5	Thay thế đèn chiếu sáng khuôn viên bằng đèn sử dụng năng lượng mặt trời	1.600	-	0,247	0,9222
6	Cải tạo hệ thống điều hòa -	5.600	-	0,864	3,2278

	Tăng cường giải nhiệt dàn nóng điều hòa cục bộ				
7	Lắp hệ thống tiết kiệm nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng khí điện phân HHO cho đội xe vận tải của Công ty		9.200	8,096	24,932
	Tổng	13.400	25.700	24,69	77,37

*** Kế hoạch thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**

- Phương thức thực hiện các biện pháp, hoạt động giảm phát thải khí nhà kính của Công ty:

+ Phân nhóm các giải pháp tiết kiệm năng lượng theo quy mô đầu tư và độ phức tạp về kỹ thuật

Nhóm	Tên giải pháp	Đặc điểm giải pháp
Nhóm I	<u>Giải pháp 1:</u> Tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý nội vi đã và đang triển khai tại Công ty	Bao gồm việc cải tiến quy trình vận hành có để ý tới giảm tổn thất năng lượng. Ví dụ như: - Áp dụng các biện pháp tăng cường quản lý chặt chẽ, nhắc nhở công nhân viên như tắt điều hòa nhiệt độ, tắt đèn, cắt điện khi không sử dụng, đặt nhiệt độ điều hòa không khí trong phòng thích hợp, tắt bơm quạt khi máy đã nghỉ; - Quản lý sử dụng hợp lý các thiết bị văn phòng; - Từng bước thay thế bóng đèn hiệu suất cao.
Nhóm III	<u>Giải pháp 2:</u> Thay thế các xe tải Stec đời cũ, trọng tải thấp, tiêu chuẩn khí thải Euro 2 bằng xe tải Stec đời mới, trọng tải lớn, tiêu chuẩn khí thải Euro 4 <u>Giải pháp 3:</u> Cải hoán, nâng cấp 04 đoàn xà lan tải trọng 1600 tấn lên tải trọng 2400 tấn	Những giải pháp này cần chi phí đầu tư khá cao, không phải tự nhiên áp dụng ngay được mà phải căn cứ thêm các yếu tố sản xuất khác. Tuy nhiên, hiệu quả tiết kiệm năng lượng và kinh tế đều đáng quan tâm, Công ty hoàn toàn có thể đầu tư dần dần qua từng năm. Mức độ tiết kiệm đem lại cũng không nhỏ và lại có tính tích lũy. Ngoài ra còn cải thiện điều kiện cho người lao động.

Nhóm IV	<p><u>Giải pháp 4:</u> Thay thế đèn chiếu sáng khuôn viên bằng đèn sử dụng năng lượng mặt trời</p> <p><u>Giải pháp 5:</u> Cải tạo hệ thống điều hòa - Tăng cường giải nhiệt dàn nóng điều hòa cục bộ</p>	<p>Các giải pháp này cần chi phí ở mức thấp hoặc vừa phải, hầu như không làm gián đoạn đáng kể nào đến hoạt động sản xuất/kinh doanh. Công ty hoàn toàn có thể thực hiện dần dần, triển khai độc lập từng khu vực.</p> <p>Mức độ tiết kiệm đem lại cũng không nhỏ và lại có tính tích lũy. Có thể thực hiện thí điểm để tự đánh giá hiệu quả.</p>
Nhóm V	<p><u>Giải pháp 6:</u> Lắp hệ thống tiết kiệm nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng khí điện phân HHO cho đội xe vận tải của Công ty</p>	<p>Giải pháp này cần chi phí ở mức vừa phải, có làm gián đoạn nhất định đến hoạt động của thiết bị, hiệu quả tiết kiệm năng lượng và độ kinh tế đều đáng quan tâm.</p> <p>Tính công nghệ không còn là trở ngại đáng kể vì trong thực tế đã có nhiều đơn vị triển khai thành công, đặc biệt là khi lồng ghép được với kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ.</p>

+ Kế hoạch thực hiện:

TT	Giải pháp đề xuất	Tiến độ dự kiến thực hiện giải pháp			
		Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Giai đoạn 2026-2030
1	Các hoạt động tăng cường quản lý nội vi và bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ thường xuyên đối với thiết bị	x	x	x	x
2	Thay thế các xe tải Stec đời cũ, trọng tải thấp, tiêu chuẩn khí thải Euro 2 bằng xe tải Stec đời mới, trọng tải lớn, tiêu chuẩn khí thải Euro 4	03 cái	02 cái	02 cái	10 cái
3	Cải hoán, nâng cấp 04 đoàn xà lan tải trọng 1600 tấn lên tải trọng 2400 tấn	02 đoàn	03 đoàn		
4	Thay thế đèn chiếu sáng sợi đốt bằng đèn chiếu sáng LED	x	x		
5	Thay thế đèn chiếu sáng khuôn viên bằng đèn sử dụng năng lượng mặt trời	x	x		
6	Cải tạo hệ thống điều hòa - Tăng cường giải nhiệt dàn nóng điều hòa	x	x	x	

	cục bộ				
7	Giải pháp Lắp hệ thống tiết kiệm nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng khí điện phân HHO cho đội xe vận tải của Công ty	x	x	x	

- Phương pháp tính lượng giảm phát thải khí nhà kính của công ty.

+ Phương pháp tính toán cân bằng phát thải cacbon do Cơ quan quản lý Năng lượng và Môi trường Pháp công bố được xây dựng dựa trên hướng dẫn do Kyoto GHG Protocol và IPCC ban hành, có dạng như công thức:

$$\text{Lượng CO}_2 \text{ phát thải} = \sum_j (\text{Fuel}_j * \text{EF}_j)$$

Trong đó: – J: loại nhiên liệu

– Fuel_j: là lượng nguyên, nhiên liệu tiêu thụ phục vụ sản xuất, sử dụng..., ví dụ: kWh điện, lít dầu DO, xăng..

– EF_j: là hệ số phát thải hay còn gọi là hệ số chuyển đổi trên một đơn vị cần tính toán, đơn vị (kg CO₂/đơn vị phát thải)

Hay công thức được đơn giản ký hiệu thành:

$$\text{Lượng CO}_2 \text{ phát thải} = \sum \text{Các nguồn thải Lượng phát thải 1 nguồn} = A \times B$$

Trong đó:

- A: Là lượng nhiên liệu, điện tiết kiệm được..., ví dụ: kWh điện, lít dầu FO.

- B: Là hệ số phát thải hay còn gọi là hệ số chuyển đổi trên một đơn vị cần tính toán, (kg CO₂/đơn vị phát thải).

* Tiêu thụ điện năng trong công ty, lượng cacbon phát thải từ quá trình tiêu thụ điện được tính toán thông qua số liệu thống kê điện tiết kiệm (giảm) của công ty hàng tháng.

$$\text{Lượng CO}_2 \text{ phát thải khi dùng điện} = \text{Alượng điện sử dụng} \times \text{Bđiện}$$

Trong đó:

- Alượng điện sử dụng: là lượng điện năng sử dụng cho các hoạt động sản xuất và sinh hoạt tiết kiệm được trong công ty hàng năm (kWh).

- Bđiện: Hệ số phát thải CO₂ tính trên 1kW điện năng tiêu thụ. Số liệu được xác định theo tài liệu Bộ tài nguyên môi trường Nhật Bản cung cấp cho Chi cục Bảo vệ Môi Trường Đà Nẵng, số liệu đã nghiên cứu về đặc thù mạng lưới điện tại Việt Nam, và được áp dụng tính toán trong chương trình Eco Action 21, giá trị là 0.5764 kg CO₂/kWh

* Tiêu thụ dầu DO cho phương tiện vận tải, máy phát điện....:

Lượng CO₂ phát thải khi đốt dầu DO = Alượng dầu DO sử dụng x Bđầu DO
Trong đó:

- Alượng dầu DO sử dụng: là lượng dầu DO (lít) tiết kiệm (giảm) được trong 1 năm.

- Bđầu DO: Hệ số quy đổi khi đốt cháy dầu DO = 39.1 GJ/kl x 0.0693 t-CO₂/GJ = 2.71 kg CO₂/lít dầu DO .

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đối với Công ty cổ phần Vật tư - TKV, so với các năm trước, năm 2022 hoạt động SXKD Công ty gặp một số khó khăn do ảnh hưởng của chiến tranh Nga - Ukraine:

+ Giá thành sản xuất dầu nhờn của công ty tăng cao: Nguồn cung về nguyên liệu sản xuất dầu nhờn khan hiếm do tắc nghẽn chuỗi cung ứng toàn cầu. Tình trạng thiếu container trên toàn thế giới khiến khâu vận chuyển hàng hóa gặp nhiều khó khăn, nhất là các sản phẩm dầu mỡ.

+ Giá nhiên liệu tăng cao trong năm đã ảnh hưởng rất lớn đến chi phí đầu vào của Công ty, nhất là khâu vận tải thủy và chuyển tải xăng dầu.

Trong tình hình khó khăn như đã nêu, Công ty cổ phần Vật tư-TKV có thuận lợi là được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Tập đoàn thông qua các giải pháp, cơ chế điều hành sát với thực tế, sự nỗ lực của cán bộ công nhân viên Công ty, sự hợp tác giúp đỡ của các đơn vị bạn.

=> Thực hiện năm 2022, Công ty hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu về hiện vật không đồng đều, có một số chỉ tiêu đạt và vượt > 100% kế hoạch. Tuy nhiên vẫn còn một số chỉ tiêu thực hiện dưới kế hoạch được giao, cụ thể:

+ Giá trị sản xuất đạt 583 tỷ, bằng 116% kế hoạch được giao và bằng 107% so với năm 2021; Lợi nhuận: 20.954 trđ, đạt 103% kế hoạch được giao; Thu nhập bình quân người lao động: 12.357 nghìn đồng/người/tháng, đạt 124% kế hoạch 2022 và 126% thực hiện năm 2021.

+ Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022: 7%.

+ Sản lượng tiêu thụ dầu DO đạt 201.992/202.000 nghìn lít bằng 99,9% KH; Sản lượng Vận tải thủy năm 2022 đạt: 652.058/720.000 tấn bằng 91% KH; SX dầu nhờn đạt: 4.473/5.000 nghìn lít bằng 89,5% KH; sản lượng bốc xếp đạt 2.292.273/5.000.000 tấn bằng 46% KH;

+ Giá trị thực hiện đầu tư XD CB đạt: 18.070 trđ/19.772 trđ = 91% kế hoạch 2022. Năm 2022 Công ty thực hiện 12/13 các hạng mục theo quyết định phê duyệt đầu tư của

TKV, giá trị thực hiện đầu tư XD CB 2022 giảm do còn 01 gói thầu chuyển sang thực hiện năm 2023.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

Tài sản (đồng)	31/12/2022	31/12/2021
TÀI SẢN NGẮN HẠN	800.439.322.348	786.032.951.264
TÀI SẢN DÀI HẠN	106.043.673.203	124.795.489.781
TỔNG TÀI SẢN	906.482.995.551	910.828.441.045

Trong năm việc sử dụng tài sản của Công ty đem lại hiệu quả trong SXKD. Dự vay ngắn hạn, vay dài hạn, khả năng thanh toán, tỷ suất sinh lời đều ở mức an toàn hợp lý trong từng thời kỳ; Không có nợ khó đòi, dự trữ vật tư ở mức hợp lý.

b. Tình hình nguồn vốn:

NGUỒN VỐN	31/12/2022	31/12/2021
NỢ PHẢI TRẢ	726.429.168.218	732.094.244.818
Nợ ngắn hạn	705.640.287.913	706.574.789.513
Nợ dài hạn	20.788.880.305	25.519.455.305
VỐN CHỦ SỞ HỮU	180.053.827.333	178.734.196.227
Vốn góp của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn khác của Chủ sở hữu	8.960.446.091	8.960.446.091
Quỹ đầu tư phát triển	1.710.043.092	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.383.338.150	19.773.750.136
TỔNG NGUỒN VỐN	906.482.995.551	910.828.441.045

Công ty và các chi nhánh đã mở sổ sách theo dõi tình hình biến động của vốn chủ sở hữu theo quy định của Nhà nước, Tập đoàn TKV.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Công ty đã sắp xếp tinh giảm bộ máy, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ hiện có, đồng thời có kế hoạch thu hút nhân tài để phát triển doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất khâu cấp phát xăng dầu, thực hiện nghiên cứu và phát triển hệ thống cấp phát nhiên liệu tự động với ứng dụng thiết bị và công nghệ tiên tiến của ISRAEL, đánh dấu bước tiến vượt bậc trong tiến trình "Tin học hóa-Tự động hóa" của Công ty, đã triển khai ứng dụng rộng rãi tại các đơn vị trong Tập đoàn công nghiệp than-khoáng sản Việt Nam. Hệ thống đã giải quyết một

cách cơ bản các yêu cầu về quản lý nhiên liệu đối với các phương tiện vận tải mỏ, đảm bảo an toàn và an ninh trật tự cho lĩnh vực quản lý trọng điểm và góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của ngành Than.



Trong năm 2022, Công ty đầu tư các trang thiết bị: Tủ ẩm (Humandity Cabinet), máy in tem nhãn màu, Bơm trực vít nhằm nâng cao chất lượng, năng suất của sản phẩm dầu nhờn Cominlub.



- Tăng cường năng lực về đổi mới công nghệ, tin học hóa-tự động nhằm đưa ra những công nghệ tiên tiến hơn, hiệu quả hơn, góp phần phát triển sản xuất kinh doanh Công ty.



- Các biện pháp quản lý: Trong năm Công ty đã chỉ đạo điều hành SXKD chủ yếu thông qua các công cụ quản lý như: Kế hoạch, Kế toán tài chính, tổ chức sản xuất, tăng cường kiểm tra, kiểm soát, đồng thời tiến hành rà soát, bổ sung, xây dựng lại các Quy chế phân công, phân cấp quản lý, phân định rõ trách nhiệm nghĩa vụ giữa Công ty và đơn vị.

+ Định mức lại tiêu hao nhiên liệu các phương tiện thiết bị ở tất cả các khâu: Bốc xếp, vận tải thủy, vận chuyển ô tô. Đó là cơ sở pháp lý để chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua cơ chế khoán doanh thu, chi phí, tạo động lực mạnh mẽ mở rộng thị trường tăng doanh thu, quản trị chi phí, quản trị rủi ro trong kinh doanh, đảm bảo đời sống thu nhập cho cán bộ công nhân viên.

+ Trong năm 2022, Công ty ban hành nhiều chỉ thị tăng cường công tác khoán quản trị chi phí nội bộ yêu cầu tiết giảm giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh trong cung cấp sản phẩm, dịch vụ.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức sản xuất, chủ động thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn trong sản xuất, an toàn trong hoạt động kinh doanh, thông qua việc triển khai rộng rãi công tác phòng chống rủi ro theo ISO 31000 trong toàn Công ty.

- Đổi mới quy trình, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Thu hút nguồn nhân lực có chất lượng, xây dựng đội ngũ cán bộ năng động, trình độ chuyên môn ngày càng được nâng cao để đáp ứng quá trình phát triển trước mắt và lâu dài của Công ty.

- Thực hiện tin học hóa công tác quản lý kỹ thuật và quản lý nguồn lực trong toàn Công ty, thực hiện nghiên cứu tiêu chuẩn và đồng bộ hóa về đặc tính kỹ thuật các kho cấp phát nhiên liệu theo hình thức module hóa, đảm bảo giảm chi phí và tối ưu trong vận hành, trong điều kiện môi trường khai thác mỏ hiện nay; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học phát triển sản phẩm mới đảm bảo tính cạnh tranh và chủ động trên thị trường dầu động cơ và khai thác mỏ của ngành than.

- Nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản trị doanh nghiệp và quản lý tốt chi phí; cân đối điều hành, phát huy tối đa giá trị lao động tại mỗi vị trí công tác tạo bước chuyển cho sự phát triển và ổn định của Công ty trong những năm tiếp theo.

- Tập trung nguồn lực hoàn thiện các điều kiện về pháp lý và cơ sở hạ tầng cho sự hoạt động phát triển bền vững của Công ty.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhận thức đến CBCNV. Triển khai tốt nội dung các quy chế, quy định, văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp đến hoạt động SXKD.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp với phương châm “Tâm sáng với việc - Tận tụy với nghề”, góp phần xây dựng MTS phát triển bền vững.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty.

- Trải qua năm 2021 gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, năm 2022 lại xảy ra chiến tranh Nga - Ukraine dẫn đến tình hình thị trường xăng dầu trên thế giới biến động không ngừng, giá các sản phẩm từ dầu mỏ không ngừng tăng cao dẫn đến các chi phí đầu vào tăng cao ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Chi phí sản xuất dầu nhờn Cominlub tăng cao trong khi giá bán sản phẩm không tăng; giá xăng dầu tăng đòi hỏi nguồn vốn cho kinh doanh xăng dầu tăng theo đã kéo theo công nợ và chi phí tài chính tăng đòi hỏi công tác điều hành của Công ty phải có những giải pháp kịp thời.

- Tuy vậy, Công ty vẫn ổn định và duy trì đầy đủ các ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

+ Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều tuân thủ đúng các quy định quản lý nội bộ và quy định của pháp luật.

+ Đồng thời Công ty đã từng bước cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động; thu nhập của người lao động được đảm bảo và vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.



2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty.

Căn cứ kết quả đạt được năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đánh giá cao những thành quả đạt được của Ban giám đốc và tập thể cán bộ công nhân viên đã vượt qua khó khăn để hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

- Về các mặt công tác quản lý: Ban giám đốc điều hành đã tổ chức và chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD đúng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tuân thủ đúng pháp luật Nhà nước và các quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022, các quy định của Công ty và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

+ Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện phương án SXKD tháng, quý, năm 2022 được ĐHĐCĐ thông qua, có những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản

xuất và quản lý; ban hành các quyết định về quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh và nhân sự để phù hợp với tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD trong năm.

+ Giám đốc Công ty đã chủ động đề xuất với HĐQT những giải pháp về tổ chức sản xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty;

+ Giám đốc điều hành đã triển khai, chỉ đạo giao kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc, rà soát thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022, thực hiện các mục tiêu quan trọng như: chỉ đạo tiếp tục tăng cường đổi mới công tác quản lý, quản trị Công ty với mục tiêu phải có hiệu quả, phải bảo toàn vốn, phải đảm bảo an ninh, an toàn, đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, đặc biệt là quản lý xăng dầu, mở rộng thị trường dầu cominlub. Tổ chức thực hiện các chỉ đạo của TKV về tái cơ cấu, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy quản lý, sản xuất từ Công ty đến các xí nghiệp, đã ban hành nhiều quyết định về quản lý, tổ chức sản xuất, nhân sự chung toàn Công ty phù hợp với tình hình hiện nay và thời gian tiếp theo.

- Về tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh: Về cơ bản năm 2022 Công ty hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, chi phí theo kế hoạch. Bên cạnh đó Hội đồng quản trị cũng nhìn nhận vì các nguyên nhân khách quan mà Công ty chưa hoàn thành chỉ tiêu: Vận tải thủy năm 2022 đạt: 652.058/720.000 tấn bằng 91% KH; SX dầu nhờn đạt: 4.473/5.000 nghìn lít bằng 98% KH; sản lượng bốc xếp đạt 2.292.273/5.000.000 tấn bằng 46% KH;



3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

3.1 Hội đồng quản trị tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng quản lý, quản trị đối với mọi mặt hoạt động của Công ty; chỉ đạo bộ máy quản lý điều hành thực hiện sản

xuất kinh doanh, hoạt động tài chính đảm bảo an toàn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023:

- Doanh thu : 4.695.200 trđ;
- Giá trị sản xuất : 471.229 trđ, trong đó:
 - + Kinh doanh vật tư : 118.335 trđ (Sản lượng dầu ga doan: 203 triệu lít);
 - + KD bốc xếp : 15.990 trđ (sản lượng: 2,6 triệu tấn);
 - + KD vận tải thủy : 32.924 trđ (sản lượng: 550.000 tấn);
 - + KD dầu nhờn : 275.314 trđ (sản lượng: 5 triệu lít);
 - + Vận tải và dịch vụ khác : 48.663 trđ
- Lợi nhuận : 15.245 trđ;
- Tiền lương bình quân : 8,763 trđ/người/tháng.

3.2 Các mặt công tác khác:

- Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng quản lý, quản trị đối với mọi mặt hoạt động của Công ty; Tăng cường giám sát, chỉ đạo bộ máy quản lý, điều hành thực hiện sản xuất kinh doanh đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Chỉ đạo bộ máy quản lý điều hành thực hiện sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính đảm bảo an toàn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã nêu.

- Đẩy mạnh công tác tiêu thụ dầu nhờn COMINLUB, chủ động nghiên cứu sản xuất các chủng loại sản phẩm dầu nhờn phù hợp yêu cầu sử dụng của các đơn vị sản xuất với giá cả cạnh tranh, tăng doanh thu, quản trị tốt hàng tồn kho, kinh doanh đạt hiệu quả tốt.



- Nghiên cứu phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ thông tin vào quản lý và sản xuất; Áp dụng đồng bộ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:-2015 vào tất cả các mặt hoạt động và quản lý của Công ty; Triển khai tốt thực hành 5S, phát huy giá trị truyền thống để xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong Công ty.

- Giám sát, đôn đốc triển khai thực hiện các dự án đầu tư quan trọng nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Công ty: Dự án đầu tư kho trung chuyển, bến nhập dầu tại phường Cửa Ông, Cẩm Phả. Dự án đầu tư Khu nhà ở tập thể công nhân và phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm, Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2023....

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Trần Thế Thành	Chủ tịch HĐQT (đại diện vốn TKV)	1962	51%
2	Tạ Quang Tuấn	TV HĐQT-Giám đốc điều hành (bổ nhiệm ngày 01/11/2020)	1973	1,088%
3	Nguyễn Thế Hùng	TV HĐQT - Phó giám đốc	1969	0,11%
4	Lê Dũng	TV HĐQT-Chủ tịch Công đoàn	1968	0,03%
5	Phạm Văn Hiền	TV HĐQT-Giám đốc XN vật tư Cẩm Phả	1970	0,03%

Năm 2022 Hội đồng quản trị Công ty không có sự thay đổi:

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban. Các Phòng trong Cơ quan văn phòng Công ty được giao nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022 Hội đồng quản trị họp 18 phiên, ban hành 40 nghị quyết và 20 quyết định về các nội dung chủ yếu: Ban hành các quy chế quản lý, quy chế làm việc, sửa đổi bổ sung và ban hành mới các quy chế: Quy chế Quản lý công nợ; Quy chế Huy động vốn, sử dụng vốn, bảo lãnh; Quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định; Quy chế Quản lý tài chính; Quy chế Quản lý cán bộ; Sửa đổi bổ sung quy chế Quy chế quản lý đầu tư, xây dựng; Sửa đổi bổ sung Quy chế Dân chủ ở cơ sở; Ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương; Công tác tổ chức sản xuất; Công tác đầu tư, công tác đất đai; Công tác quy hoạch, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của Công ty, HĐQT đã chú trọng nâng cao các mặt hoạt động, tăng cường công tác quản lý Công ty nhằm phục vụ tốt cho SXKD của Công ty; tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 diễn ra ngày 27/4/2022.

HĐQT Công ty thường xuyên chỉ đạo thực hiện đúng định hướng, chỉ đạo của Tập đoàn và theo các nội dung:

+ Ban hành, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các Quy chế quản lý của Công ty, là cơ sở cho việc quản lý, điều hành Công ty và kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban giám đốc;

+ Chỉ đạo triển khai, xây dựng kế hoạch SXKD, Kế hoạch đầu tư, Kế hoạch tài chính của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế;

+ Kien toàn nhân sự bộ máy điều hành, thông qua để Giám đốc Công ty bổ nhiệm cán bộ quản lý các phòng ban, đơn vị, hoàn thiện tổ chức bộ máy trong Công ty theo thẩm quyền.

Căn cứ Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ, HĐQT Công ty thường xuyên kiểm điểm, đánh giá các hoạt động theo chức trách, nhiệm vụ được phân công. Trong năm, các thành viên HĐQT theo lĩnh vực được phân công đã hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao, phát huy khả năng; năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty. Các chủ trương, quyết định của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao, tuân thủ theo đúng nguyên tắc, quy định làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên tham gia các cuộc họp đầy đủ. HĐQT đã chỉ đạo thực hiện, hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. BAN KIỂM SOÁT.

a. Cơ cấu Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Trần Thanh Tùng	Trưởng ban	0	0
2	Hoàng Kiên	Thành viên	3.200	0,02%
3	Tô Thị Lan	Thành viên	10.000	0.066%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Năm 2022 Ban kiểm soát tổ chức 03 buổi họp, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu về sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn, phát triển vốn và những rủi ro trọng yếu.

- Tham gia góp ý kiến về định hướng điều hành kinh doanh, quản lý tài chính và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ.

- Thường xuyên trao đổi, phối hợp với HĐQT, Ban giám đốc để theo dõi, tổ chức kiểm soát hoạt động của Công ty.

- Các thành viên của Ban thực hiện nhiệm vụ trung thực, cẩn trọng và không cản trở hoạt động của HĐQT và Ban điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

(ĐVT: Triệu đồng).

T T	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Tiền lương	Tiền thưởng	Tổng cộng
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1	Trần Thế Thành	Chủ tịch HĐQT (Không điều hành)	61,7		13,7	75,4
2	Tạ Quang Tuấn	Thành viên (Giám đốc Công ty)	52,6	503,2	80,8	636,6
3	Nguyễn Thế Hùng	Thành viên (Phó Giám đốc Công ty)	52,6	446,4	69,3	568,3
4	Lê Dũng	Thành viên (Không điều hành)	52,6	450,4	30,2	533,2
5	Phạm Văn Hiền	Thành viên (Không điều hành)	52,6	236	31,4	320
II	BAN KIỂM SOÁT					
1	Trần Thanh Tùng	Trưởng ban	29,3		5	34,3
2	Hoàng Kiên	Thành viên	52,6	182	18	252,6
3	Tô Thị Lan	Thành viên	52,6	227,2	36,6	316,4
III	BAN ĐIỀU HÀNH					
1	Ninh Thị Mỹ Nga	Phó giám đốc		443,7	63,5	507,2
2	Nguyễn Văn Tuấn	Phó giám đốc		344,9	14	358,9
3	Hoàng Xuân Tùng	Kế toán trưởng		405,4	56,2	461,6
Tổng cộng			406,6	3.239,2	418,7	4.064,5

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Bao gồm:

- + Bảng cân đối kế toán;
- + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- + Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Công ty cổ phần Vật tư-TKV đã công bố Báo cáo tài chính năm 2022 sau kiểm toán với Ủy ban chứng khoán nhà nước, sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đăng tải tại website Công ty: <http://vmts.vn> mục "Thông tin cổ đông/ Báo cáo tài chính".

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước (Vụ QL phát hành);
- Sở GDCK Hà Nội (Phòng QL niêm yết)
- Thành viên HĐQT, BKS;

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Tạ Quang Tuấn

TRỤ SỞ



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV

TỔ 1 – KHU 2- PHƯỜNG HỒNG HÀ – HẠ LÔNG – QUẢNG NINH

ĐT: (84) 203.3695899

FAX: (84) 203.634899

WEBSITE: WWW.VMTS.VN

EMAIL: MTS@VMTS.VN

XÍ NGHIỆP VẬT TƯ CẨM PHẢ

Địa chỉ: 42 Huỳnh Thúc Kháng – Cẩm Đông – Cẩm Phả - Quảng Ninh

XÍ NGHIỆP VẬT TƯ HỒN GAI

Địa chỉ: 170 Lê Thánh Tông – Bạch Đằng – Hạ Long – Quảng Ninh

XÍ NGHIỆP VẬN TẢI - XẾP DỠ

Địa chỉ: Tổ 19 – Tây Sơn – Cẩm Sơn – Cẩm Phả - Quảng Ninh

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: 85 Nguyễn Du – Hà Nội
